

Số: // /KL-TTr

Ninh Bình, ngày 28 tháng 11 năm 2025

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục
đối với Trường THPT Phạm Văn Nghị

Thực hiện Quyết định số 407/QĐ-TTr ngày 29/9/2025 của Chánh thanh tra tỉnh Ninh Bình về việc thanh tra thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại các trường THPT, từ ngày 01/10/2025 đến ngày 29/10/2025, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trường THPT Phạm Văn Nghị.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 11/11/2025 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh Ninh Bình kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Trường THPT Phạm Văn Nghị thành lập năm 1976, địa chỉ tại xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình. Năm 2018, Trường được công nhận trường THPT đạt chuẩn quốc gia¹.

Năm học 2025-2026, Trường có tổng số 30 lớp với 1312 học sinh (Khối 10: 10 lớp, 421 học sinh; Khối 11: 10 lớp, 444 học sinh; Khối 12: 10 lớp, 447 học sinh); 82 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác xây dựng tổ chức, quản lý, sử dụng đội ngũ và thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ

1.1. Công tác xây dựng các tổ chức trong nhà trường

Nhà trường xây dựng tổ chức, bộ máy đảm theo quy định tại Điều lệ trường trung học. Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 gồm 15 thành viên²; hoạt động và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập vào đầu năm học, đảm bảo thành phần, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ³.

Hiệu trưởng thành lập 07 tổ chuyên môn, 01 Tổ Văn phòng⁴; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn và tổ Văn phòng theo quy định; trường có 30 lớp học, được bố trí, sắp xếp theo nguyện vọng đăng ký lựa chọn tổ hợp các môn

¹ Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc công nhận, công nhận lại và cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia.

² Quyết định 515/QĐ-SGDĐT ngày 15/4/2021 của Sở GDĐT Nam Định

³ Các Quyết định: số 125a/QĐ-THPTPVN ngày 30/9/2024; số 27/QĐ-THPTPVN ngày 10/9/2025; Báo cáo số 57/BC-THPTPVN ngày 26/5/2025.

⁴ Quyết định số: 121/QĐ-THPTPVN ngày 22/8/2023 về việc thành lập 07 tổ chuyên môn, và tổ văn phòng.

học của học sinh; việc bố trí sĩ số học sinh/lớp đảm bảo quy định. Đã ban hành Quy chế làm việc, Quy chế thực hiện dân chủ trong đơn vị⁵.

Tuy nhiên, Trường chưa ban hành Bộ Quy tắc ứng xử trong trường học theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ GDĐT; Quyết định thành lập các tổ chuyên môn, Tổ Văn phòng, bổ nhiệm chức danh tổ trưởng, tổ phó còn chưa thống nhất về tên gọi của các tổ chuyên môn; một số quyết định ban hành còn sai sót về nội dung⁶.

1.2. Công tác quản lý, sử dụng đội ngũ nhà giáo, người lao động

Số lượng người làm việc được giao: năm 2024: 78 người (cán bộ quản lý, giáo viên 73 người; nhân viên 05 người); năm 2025: 78 người (viên chức 77 người; hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP (NĐ số 111) 01 người)⁷.

Số lượng người làm việc thực tế sử dụng: 78 người, trong đó: cán bộ quản lý 03 người; nhân viên làm chuyên môn nghiệp vụ 05 người; giáo viên 69 người (năm học 2024-2025 là 70 người); hợp đồng theo NĐ số 111 người (năm học 2024-2025: 0 người). Nhân viên bảo vệ, phục vụ, trông xe: 05 người.

Cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên đạt chuẩn về trình độ theo quy định; trình độ trên chuẩn 4/72 (5,6%). Trình độ nhân viên đáp ứng các yêu cầu của vị trí việc làm (VTVL) đảm nhiệm. Số lượng người làm việc sử dụng đảm bảo theo số lượng được giao; nhân viên đủ về số lượng. Phân công nhiệm vụ, giảng dạy đối với CBQL, giáo viên, nhân viên hợp lý, đúng chuyên môn đào tạo, yêu cầu của VTVL; quy đổi ra tiết dạy đối với các công tác kiêm nhiệm, sử dụng hợp đồng lao động đúng quy định. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng có tham gia giảng dạy các môn học trong Chương trình phổ thông theo quy định.

Tuy nhiên, số lượng giáo viên được giao và thực tế sử dụng vượt định mức quy định của Bộ GDĐT⁸ (năm học 2024-2025 vượt trên 3 giáo viên); nhiều giáo viên giảng dạy, kiêm nhiệm chưa đủ định mức 17 tiết/tuần theo quy định. Năm học 2025-2026, đến thời điểm thanh tra, Hiệu trưởng nhà trường chưa tham gia giảng dạy do kế hoạch phân công dạy nội dung GDĐP chưa đến chuyên đề giảng dạy⁹; các Phó Hiệu trưởng giảng dạy chưa đủ định mức bình

⁵ Quyết định số 99/QĐ-THTPVN ngày 01/8/2024 về việc ban hành Quy chế làm việc; Quyết định số 111B/QĐ-THTPVN ngày 25/8/2024 và Quyết định số 25/QĐ- THTPVN ngày 28/8/2025 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động năm học 2024-2025, 2025-2026.

⁶ Quyết định số 121/QĐ-THTPVN ngày 22/8/2023 thành lập các tổ: Lý - CNCN, Hóa - GDTC, Sinh - CNNN (một số văn bản lại sử dụng tên Lý - KTCN, Hóa - Thẻ dục, Sinh - KTNN); Quyết định bổ nhiệm Tổ trưởng Tổ Tiếng Anh (Tổ Ngoại Ngữ); Quyết định bổ nhiệm nhóm trưởng, tổ phó chuyên môn nhưng quy định hưởng phụ cấp chức vụ tổ trưởng (phụ cấp thực tế hưởng 0,15).

⁷ Các Quyết định: số 1162/QĐ-SGDĐT ngày 24/5/2024; số 2584/QĐ-SGDĐT ngày 23/12/2024; số 1322/QĐ-SGDĐT ngày 18/6/2025.

⁸ Tỷ lệ giáo viên/lớp vượt định mức quy định của Bộ GDĐT (2,25 giáo viên/lớp), cụ thể: năm học 2024-2025: 2,33 giáo viên/lớp; năm học 2025-2026: 2,30 giáo viên/lớp.

⁹ Kế hoạch phân công dạy GDĐP các lớp 12A5, 12A7, 11A2.

quân tiết/tuần theo quy định tại Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ GDĐT¹⁰.

1.3. Quy hoạch, đề xuất bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý

Nhà trường đã thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý đúng hướng dẫn của Sở GDĐT¹¹; thực hiện báo cáo kết quả, lập tờ trình đề nghị Sở GDĐT phê duyệt quy hoạch theo quy định¹². Kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm kỳ 2025-2030: Chức danh Hiệu trưởng: đưa ra khỏi quy hoạch 0 người; bổ sung quy hoạch: 0 người; Quy hoạch sau khi rà soát, bổ sung: 02 người; Chức danh Phó Hiệu trưởng: đưa ra khỏi quy hoạch 01 người; bổ sung quy hoạch: 01 người; Quy hoạch sau khi rà soát, bổ sung: 04 người.

1.4. Công tác đánh giá, xếp loại đội ngũ

Trường thực hiện đánh giá Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo Chuẩn Hiệu trưởng; đánh giá giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định tại các Thông tư của Bộ GDĐT¹³. Kết quả đánh giá năm học 2023-2024: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (3 người): Loại Tốt 3/3 người (100%); giáo viên (68 người): Loại Tốt 68/68 người (100%).

Thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng CBQL, giáo viên, nhân viên, lao động hợp đồng năm học 2024-2025 theo quy định tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP và Nghị định số 48/2023/NĐ-CP của Chính phủ đảm bảo đúng nội dung, tiêu chí và quy trình đánh giá. Kết quả đánh giá, xếp loại năm học 2024-2025 (79 người): Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 14/79 người (17,72%); Hoàn thành tốt nhiệm vụ 63/79 người (79,75%), hoàn thành nhiệm vụ 2/79 người (2,53%). Thực hiện thông báo, công khai kết quả đánh giá theo quy định.

Tuy nhiên, công tác đánh giá theo Chuẩn năm học 2023-2024: không có Phiếu tự đánh giá của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng; Phiếu cấp trên đánh giá đối với Hiệu trưởng; kết quả đánh giá của Hiệu trưởng đối với Phó Hiệu trưởng và giáo viên; kết quả đánh giá không phản ánh đúng thực trạng, năng lực, trình độ đội ngũ (100% xếp loại Tốt). Không có hồ sơ tự đánh giá năm học 2024-2025; Chưa xây dựng Quy chế đánh giá, phân loại viên chức theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 90/2020/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi khoản 3 Điều 1

¹⁰ Đồng chí Đinh Xuân Thu dạy môn Công nghệ nông nghiệp (02 tiết/tuần); đồng chí Nguyễn Hồng Hợi dạy hoạt động Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (02 tiết/tuần) theo sự phân công.

¹¹ Công văn số 562/SGDĐT-TTCTB ngày 05/4/2024 của Sở GDĐT Nam Định về việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2024-2025, 2025-2030 năm 2024

¹² Báo cáo số 55/BC-THPTPVN ngày 16/4/2024; Tờ trình số 56/TTr-THPTPVN ngày 16/4/2024

¹³ Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

Nghị định số 48/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Các Phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức chưa có nội dung nhận xét, kết quả đánh giá, xếp loại của Hiệu trưởng; không lưu trữ Phiếu đánh giá xếp loại chất lượng của Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng.

1.5. Công tác thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ

Nhà trường đã thực hiện tăng lương, chi trả lương cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên đầy đủ¹⁴. Chi trả đầy đủ các loại phụ cấp ưu đãi, phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp thâm niên nhà giáo; tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định. Chi trả chế độ phụ cấp tiết dạy; tiền trang phục đối với giáo viên dạy môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định¹⁵.

2. Công tác quản lý, sử dụng kinh phí của nhà trường

2.1. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quyết định ngày 08/01/2024, Quyết định số 05/QĐ-THPTPVN ngày 06/01/2025 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 và năm 2025. Quy chế được xây dựng đảm bảo về thời gian, nội dung, định mức chi cơ bản phù hợp với văn bản quy định của Nhà nước. Tuy nhiên, nội dung xây dựng quy chế chưa đầy đủ theo quy định tại phụ lục số 05 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Việc xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập: không có phương án chi trả thu nhập tăng thêm; không quy định về việc lựa chọn ngân hàng thương mại để gửi tiền trích lập các Quỹ của đơn vị hoặc các khoản thu từ hoạt động dịch vụ theo quy định; không quy định việc xử lý vi phạm đối với các trường hợp khi sử dụng vượt mức khoán; tiêu chuẩn, định mức quy định.

Căn cứ các quyết định¹⁶ của Sở GDĐT tỉnh Nam Định về việc giao dự toán đầu năm, bổ sung, điều chỉnh giảm trong năm nhà trường đã lập dự toán chi tiết theo mục lục ngân sách Nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước, Sở GDĐT Nam

¹⁴ Trong thời kỳ thanh tra, thực hiện tăng lương thường xuyên: 26 người; tăng lương trước thời hạn: 15 người; Phụ cấp thâm niên vượt khung: 02 người; Phụ cấp thâm niên nhà giáo: 68 người.

¹⁵ Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTĐBXH-BQP-BCA-BNV-BTC ngày 16/7/2015 của liên Bộ GDĐT, Bộ LĐTB&XH, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính.

¹⁶ Số 1963/QĐ-SGDĐT ngày 26/12/2023 về việc giao dự toán NSNN năm 2024; số 680/QĐ-SGDĐT ngày 24/4/2024 về việc giao bổ sung dự toán chi NSNN năm 2024; số 2181/QĐ-SGDĐT ngày 13/11/2024 về việc giao bổ sung dự toán chi NSNN năm 2024; số 2254/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2024; số 2380/QĐ-SGDĐT ngày 20/11/2024; Số 2656/QĐ-SGDĐT ngày 31/12/2024 về việc giao dự toán NSNN năm 2025; số 700/QĐ-SGDĐT ngày 05/5/2025 về việc giao bổ sung dự toán NSNN năm 2025; số 1501/QĐ-SGDĐT ngày 28/6/2025 về việc tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2025

Định làm căn cứ thực hiện chi theo chế độ quy định. Việc lập và giao dự toán đảm bảo đúng thời gian quy định.

Nhà trường đã thực hiện chi theo dự toán đối với kinh phí được giao; thực hiện chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương cho cán bộ, viên chức đúng, đủ, kịp thời theo quy định qua tài khoản ATM. Các khoản chi hoạt động và chi khác đã thực hiện chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ, chứng từ cơ bản đầy đủ. Tuy nhiên, một số chứng từ chi mua sắm, sửa chữa tài sản, công cụ dụng cụ không có phiếu đề xuất mua sắm, sửa chữa, phiếu bàn giao sau khi sửa chữa xong¹⁷; chứng từ làm thêm giờ không có phiếu báo làm thêm giờ¹⁸.

Năm 2024 đơn vị đã mở hệ thống sổ sách, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán kinh phí cơ bản đầy đủ theo mẫu và thực hiện quyết toán kinh phí theo quy định. Được Sở GDĐT tỉnh Nam Định thông báo xét duyệt quyết toán năm 2024 tại Biên bản xét duyệt quyết toán NSNN ngày 19/5/2025.

2.2. Việc quản lý, sử dụng nguồn thu, chi học phí; nguồn thu, chi dịch vụ phục vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục và các khoản thu khác

- Học phí:

Năm học 2024-2025, Trường thực hiện thu học phí theo quy định¹⁹. Tổng số tiền thu được đã cập nhật, theo dõi trên sổ sách kế toán của đơn vị và định kỳ chuyển toàn bộ khoản tiền còn dư vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu học phí để tạo nguồn cải cách tiền lương; thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Chương IV Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

Năm học 2025-2026: căn cứ văn bản quy định Chính phủ, Bộ GDĐT và hướng dẫn của Sở GDĐT²⁰, Trường không thực hiện thu học phí.

¹⁷ CK số 45 ngày 28/3/2024 chuyển tiền đồ mực máy in, thay trống, gạt, ram... số tiền 27.750.000đ; CK số 220 ngày 09/12/2024 chi sửa chữa thay thế thiết bị nhà vệ sinh số tiền 26.606.480đ; CK số 230 ngày 26/12/2024 chuyển trả tiền sửa chữa ghế văn phòng số tiền 38.934.000 đ; CK số 191 ngày 11/11/2024 chi sửa chữa bàn ghế học sinh số tiền 33.922.800đ; Ck số 196 ngày 22/11/2024 chi sửa chữa thay thế cửa lớp học số tiền 49.200.000đ; Ck số 199 ngày 28/11/2024 chi ốp nhôm composite hội trường nhà đa năng số tiền 49.842.000đ

CK số 04 ngày 16/01/2025 chi sửa chữa thay thế thiết bị điện số tiền 4.380.000đ; CK số 26 ngày 11/02/2025 chia sửa chữa thay thế cửa lớp học số tiền 49.200.000đ biên bản kiểm tra hiện trạng CSVN không nêu rõ cửa phòng nào bị hỏng; ck số 37 ngày 24/02/2025 chi lắp rèm cửa sổ, khăn trải bàn số tiền 29.480.000đ; ck số 71 ngày 18/4/2025 chi sửa chữa nền nhà đa năng số tiền 49.723.200đ; ck số 77 ngày 24/4/2025 chi sửa chữa nền nhà vệ sinh các phòng ban số tiền 43.271.760đ; ck số 91 ngày 21/5/2025 chi sửa chữa thiết công nghệ thông tin số tiền 19.680.000đ; ck số 84 ngày 07/5/2025 chi mua hồ sơ sổ sách chuyên môn năm học 2024-2025 số tiền 7.895.000đ.

¹⁸ Ck số 70 ngày 06/5/2024 trả tiền phụ cấp làm thêm giờ hoàn thiện hồ sơ học sinh giỏi T4/2024 số tiền 42.531.979đ; ck số 106 ngày 18/6/2024 chi phụ cấp làm thêm giờ hoàn thiện hồ sơ năm học 2023-2024 số tiền 10.683.589đ; ck số 216 ngày 05/12/2024 phụ cấp làm thêm giờ hoàn thiện hồ sơ chuyên môn tháng T9+10 số tiền 17.335.571đ

¹⁹ mức thu: thành phố: 130.000đ/1hs/9 tháng; vùng nông thôn: 90.000đ/ 1hs/9 tháng; phương thức thu chuyển khoản và bằng tiền mặt, thu theo học kỳ

²⁰ Nghị định 238/2025/NĐ-CP quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Văn bản số 5542/BGDĐT-KHTC ngày 12/9/2025

- Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục:

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định, Hướng dẫn của Sở GDĐT, Trường xây dựng Kế hoạch thực hiện các khoản thu năm 2024-2025²¹ và thống nhất trong cuộc họp Cha mẹ học sinh lớp; triển khai thu 06 khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, thu 9 tháng/năm học, thu trực tiếp bằng tiền mặt và chuyển khoản²².

- Các khoản thu khác (thu hộ):

Năm học 2024-2025, Trường tổ chức triển khai thực hiện khoản thu hộ cho các tổ chức đảm bảo trình tự, thủ tục, nội dung, định mức chi theo văn bản quy định của từng tổ chức; đã triển khai thu 03 khoản thu hộ²³.

Kinh phí hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường:

Ban đại diện Cha mẹ học sinh (CMHS) trường đã tiếp nhận kinh phí từ Ban đại diện CMHS các lớp; xây dựng Quy chế phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS năm học 2024-2025, trong đó quy định các nội dung chi Kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS trường.

Khoản vận động, tài trợ của cơ quan, tổ chức cá nhân:

Năm học 2024-2025, Nhà trường không thực hiện quy trình vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng khoản tài trợ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

Tại thời điểm thanh tra, các khoản thu, chi năm học 2025-2026, nhà trường chưa triển khai thực hiện.

3. Việc thực hiện công khai trong cơ sở giáo dục

Đơn vị đã cập nhật đủ các văn bản về việc thực hiện công khai tại CSGD²⁴; đã ban hành các văn bản để chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc công khai

của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện chính sách học phí; miễn, giảm học phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026; Công văn số 927/SGDĐT-TC ngày 25/9/2025 của Sở Giáo dục Đào tạo Ninh Bình về việc thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026

²¹ Kế hoạch số 02/KH-THPTPVN ngày 06/01/2024; Kế hoạch số 01/KH-THPTPVN ngày 06/01/2025.

²² Tiền dịch vụ trông giữ xe: Mức thu: xe đạp: 10.000đ/ 1hs/1 tháng; xe điện: 15.000đ/ 1hs/1 tháng. xe máy: 20.000đ/ 1hs/1 tháng. Tiền dạy thêm, học thêm: Mức thu: 5.000đ/1 tiết/1hs. Dịch vụ tuyển sinh vào lớp 10: Năm 2024: Mức thu: 105.000 đồng/học sinh. Năm 2025: Mức thu: 105.000 đồng/học sinh. Tiền nước uống: Mức thu: 10.000đ/ 1hs/1 tháng. Tiền học tiếng Anh có yếu tố nước ngoài: Mức thu: 30.000đ/ 1hs/1 tiết. Thẻ học sinh: Mức thu: 30.000đ/1hs/năm học.

²³ 1. Tiền bảo hiểm y tế học sinh: Mức thu: 73.710đ/học sinh/tháng: Học sinh khối 10,11 thu 12 tháng; khối 12 thu 9 tháng. Hình thức thu: trực tiếp bằng tiền mặt. Tổng thu: 1.005.035.000đ. Chi nộp về cơ quan BHXH huyện Ý Yên: 1.005.035.000đ. 2. Quỹ Đoàn: Mức thu: 2.000đ/hs/ tháng. thu: trực tiếp bằng tiền mặt. Tổng thu: 7.367.000đ. Tổng chi: 7.367.000đ. 3. Quỹ chữ thập đỏ: Mức thu: Khối 10, khối 11: 2.000đ/hs/tháng x 12 tháng = 24.000đ; Khối 12: 2.000đ/hs/tháng x 9 tháng = 18.000đ. Hình thức thu: trực tiếp bằng tiền mặt. Tổng thu: 29.304.000đ. Tổng chi: 20.000.000đ (đến ngày 30/9/2025). Số còn lại: 9.304.000đ.

²⁴ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài

tại đơn vị²⁵. Tuy nhiên, nhiều quyết định công khai chưa đảm bảo thể thức theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư; Báo cáo công khai thường niên năm 2024 một số nội dung chưa đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

3.1. Việc thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Nội dung công khai: đơn vị đã công khai thông tin chung về CSGD; thu, chi tài chính²⁶; các điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục²⁷; kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục²⁸. Tuy

chính; Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập.

²⁵ Quyết định số 111B/QĐ-THTPVN ngày 25/8/2024 về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường THPT Phạm Văn Nghị năm học 2024-2025; Quyết định số 25/QĐ-THTPVN ngày 28/8/2025 về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường THPT Phạm Văn Nghị năm học 2025-2026; Báo cáo công khai thường niên năm 2024 (BC số 56/BC-THTPVN ngày 11/6/2025); các quyết định, thông báo công khai; các biểu mẫu kèm theo quyết định; các biên bản niêm yết, kết thúc niêm yết.

²⁶ **Năm 2024:**

- Quyết định số 01/QĐ-THTPVN ngày 05/01/2024 v/v công khai giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 100/QĐ-THTPVN ngày 25/11/2024 v/v công khai bổ sung dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 102/QĐ-THTPVN ngày 25/11/2024 v/v công bố công khai bổ sung dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 104/QĐ-THTPVN ngày 25/11/2024 v/v công bố công khai điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 106/QĐ-THTPVN ngày 25/11/2024 v/v công bố công khai bổ sung dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024.

- Quyết định số 26/QĐ-THTPVN ngày 13/4/2024 v/v công khai thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2024; Quyết định số 87/QĐ-THTPVN ngày 11/7/2024 v/v công khai thực hiện dự toán ngân sách quý 2 năm 2024; Quyết định số 88/QĐ-THTPVN ngày 11/7/2024 v/v công khai thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2024; Quyết định số 95/QĐ-THTPVN ngày 09/10/2024 v/v công khai thực hiện dự toán ngân sách quý 3 năm 2024; Quyết định số 02/QĐ-THTPVN ngày 07/01/2025 v/v công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý 4 năm 2024; Quyết định số 03/QĐ-THTPVN ngày 07/01/2025 v/v công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

- Các thông báo công khai mức thu nhập của giáo viên, cán bộ quản lý theo tháng.

Năm 2025:

- Quyết định số 01/QĐ-THTPVN ngày 06/01/2025 v/v công khai giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số 25/QĐ-THTPVN ngày 15/5/2025 v/v công khai bổ sung dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số 60/QĐ-THTPVN ngày 30/6/2025 v/v công bố công khai điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025.

- Quyết định số 15/QĐ-THTPVN ngày 10/4/2025 v/v công khai thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2025; Quyết định số 59/QĐ-THTPVN ngày 30/6/2025 v/v công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025; Quyết định số 60B/QĐ-THTPVN ngày 10/7/2025 v/v công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách quý 2 năm 2025; Quyết định số 63/QĐ-THTPVN ngày 09/10/2025 v/v công khai thực hiện dự toán ngân sách quý 3 năm 2025.

- Quyết định số 55/QĐ-THTPVN ngày 20/5/2025 v/v công bố công khai việc mua sắm tài sản năm 2025

- Thông báo số 57/TB-THTPVN ngày 28/6/2025 v/v công khai các khoản chi lương, phụ cấp chuyên môn, hội nghị, mua sắm, sửa chữa năm học 2024-2025.

Bản cam kết thực hiện thu học phí năm học 2024-2025; Bản cam kết thực hiện giá dịch vụ giáo dục năm học 2024-2025; Quyết định số 58/QĐCK-THTPVN ngày 28/6/2025 v/v công bố công khai thực hiện quyết toán thu chi các khoản đóng góp ngoài học phí năm học 2024-2025; Kế hoạch số 02/KH-THTPVN ngày 06/01/2024 về thu chi ngân sách nhà nước và các khoản thu khác năm 2024; Quyết định số 62/QĐ-THTPVN ngày 29/9/2025 v/v công khai thu tiền dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí năm học 2025-2026; Dự toán thu chi dịch vụ tuyển sinh 2024-2025 được Sở GDĐT phê duyệt; Thông báo số 53/TB-THTPVN ngày 22/5/2025 về mức thu dịch vụ tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2025-2026.

Quyết định số 68/QĐ-THTPVN ngày 10/5/2024 v/v công bố công khai danh sách học sinh được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024; Quyết định số 28/QĐ-THTPVN ngày 15/5/2025 v/v công bố công khai danh sách học sinh được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025.

²⁷ Thông báo số 37D/TB-THTPVN ngày 09/5/2025 thông báo công khai về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, chất lượng giáo dục; Kế hoạch số 04/KH-THTPVN ngày 10/01/2024 về mua sắm, tu sửa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học năm 2024; Kế hoạch số 03/KH-THTPVN ngày 09/01/2025 về mua sắm, tu sửa cơ

nhien, tại thời điểm thanh tra (14/10/2025) trên cổng thông tin điện tử của đơn vị chưa cập nhật các thông tin về tổ chức bộ máy.

Cách thức công khai: Đơn vị đã thực hiện một số cách thức công khai: Đăng tải nhiều nội dung công khai trên cổng thông tin điện tử của đơn vị (tại địa chỉ: <https://thptphamvannghe.edu.vn/>); qua nhóm Zalo của trường, lớp; niêm yết tại bảng tin (đối với công khai thu, chi tài chính); thông báo trong các cuộc họp (cán bộ, giáo viên, nhân viên; hội nghị cán bộ quản lý, viên chức, người lao động; các cuộc họp cha mẹ học sinh).

Thời gian, thời điểm công khai: Đơn vị công bố công khai các nội dung trước ngày 30/6/2025; công khai ngân sách nhà nước sau khi nhận được văn bản của cấp có thẩm quyền giao dự toán/phê duyệt quyết toán và sau khi kết thúc quý, 6 tháng, năm. Tuy nhiên, đơn vị công bố công khai Báo cáo thường niên năm 2024 chậm so với quy định.

3.2. Việc thực hiện công khai theo Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT

Hiệu trưởng đã thực hiện công khai các nội dung: Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước liên quan đến hoạt động của cơ sở giáo dục; các nội quy, quy chế của đơn vị; Kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm năm học; Kế hoạch giáo dục, Kế hoạch tuyển sinh, Kế hoạch dạy thêm học thêm; Kinh phí hoạt động, quyết toán kinh phí năm; tài sản, thiết bị; việc bổ nhiệm, nâng lương, khen thưởng; kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, hợp đồng lao động; các quy định liên quan đến việc học tập, rèn luyện của học sinh; kết quả đánh giá, xếp loại học sinh; kết quả kiểm định chất lượng giáo dục²⁹.

Tuỳ nội dung, đơn vị đã sử dụng một số hình thức công khai: Thông báo tại các cuộc họp cán bộ, giáo viên, nhân viên; hội nghị cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; qua nhóm zalo trường, lớp; đăng tải trên cổng thông tin điện tử của đơn vị; niêm yết tại bảng tin. Thực hiện công khai khi có văn bản ban hành hoặc khi cuộc họp/hội nghị được tổ chức.

4. Công tác quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

sở vật chất, trang thiết bị dạy học năm 2025; thông báo danh mục sách giáo khoa lớp 12 được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 12/7/2024).

²⁸ Thông báo số 37B/TB-THPTPVN ngày 05/5/2025 về Kế hoạch tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2025-2026.

²⁹ Quyết định số 47/QĐ-THPTPVN ngày 17/10/2025 về việc công khai kết quả xét nâng bậc lương đối với viên chức, người lao động đợt 2 năm 2025; Quyết định số 18/QĐ-THPTPVN ngày 27/3/2025 về việc công khai kết quả xét nâng bậc lương đối với viên chức, người lao động đợt 1 năm 2025; Quyết định số 15/QĐ-THPTPVN ngày 14/02/2025 về việc công khai kết quả xét nâng bậc lương trước thời hạn do có thành tích xuất sắc năm 2024; Quyết định số 122/QĐ-THPTPVN ngày 23/9/2024 về việc công khai kết quả xét nâng bậc lương đối với viên chức, người lao động đợt 2 năm 2024; Quyết định số 43/QĐ-THPTPVN ngày 25/4/2024 về việc công khai kết quả xét nâng bậc lương đối với viên chức, người lao động đợt 1 năm 2024; Quyết định số 25/QĐ-THPTPVN ngày 28/02/2024 về việc công khai kết quả xét nâng bậc lương trước thời hạn do có thành tích xuất sắc năm 2023.

4.1. Hiện trạng cơ sở vật chất

Tổng thể nhà trường có đủ các hạng mục công trình theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GDĐT Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Trường có các khối phòng hành chính quản trị, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phòng phụ trợ cơ bản đảm bảo theo quy định hiện hành. Tuy nhiên, khối phòng hỗ trợ học tập: Thư viện chưa có khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh theo quy định tại khoản 27 Điều 1 Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Hạ tầng kỹ thuật: có hệ thống cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng; hệ thống thoát nước đảm bảo yêu cầu; hệ thống cấp điện đủ công suất; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc, hệ thống phòng cháy chữa cháy an toàn đảm bảo phục vụ các hoạt động; khu thu gom rác thải được bố trí độc lập không ảnh hưởng đến môi trường.

4.2. Thực trạng thiết bị dạy học (TBDH)

TBDH các bộ môn đều được cấp phát từ lâu để phục vụ cho dạy học chương trình GDPT 2018, đến nay đã cũ nhiều thiết bị đã hỏng, độ chính xác và hiệu quả sử dụng không cao. TBDH ở các môn học chưa đủ về danh mục và số lượng TBDH tối thiểu cấp trung học phổ thông theo Quy định tại Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ GDĐT. Nhà trường, giáo viên đã thay thế một số thiết bị dạy học thiếu, cũ, hỏng bằng cách sử dụng các thí nghiệm ảo, tranh, ảnh, video,... qua các phương tiện trình chiếu.

4.3. Việc quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, TBDH

Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất, TBDH; đã ban hành các văn bản³⁰ để triển khai thực hiện công tác quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. Việc quản lý và sử dụng cơ sở vật chất,

³⁰ Quyết định số 05/QĐ-THPTPVN ngày 16/01/2024 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Quyết định số 06/QĐ-THPTPVN ngày 10/01/2024 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Kế hoạch số 23/KH-THPTPVN ngày 22/9/2025 về bảo quản, sử dụng, thiết bị dạy học năm học 2025-2026; Kế hoạch số 14B/KH-THPTPVN ngày 28/8/2025 về quản lý và nội quy sử dụng tài sản công năm học 2025-2026; Kế hoạch số 09A/KH-THPTPVN ngày 21/8/2024 về sử dụng, bảo quản thiết bị phòng học thực hành Lý-Hoá-Sinh năm học 2024-2025.

TBDH được theo dõi qua hệ thống sổ sách³¹. Trong các phòng thực hành đều có “Nội quy sử dụng phòng thực hành”, có khoá cẩn thận, kho/buồng chứa hoá chất để riêng biệt; đã tổ chức kiểm kê và bàn giao tài sản vào đầu năm học và kiểm kê tài sản vào cuối năm; đã chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn “Rà soát cơ sở vật chất, thiết bị” để lập bảng thực trạng trang thiết bị dạy học, từ đó đề xuất nhu cầu đầu tư thiết bị dạy học các trường trung học phổ thông giai đoạn 2026 - 2030.

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

- Trong thời kỳ thanh tra, nhà trường có đủ tổ chức, đoàn thể theo Điều lệ trường Trung học; các tổ chức hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo quy định; Hiệu trưởng thực hiện tương đối tốt công tác quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ giáo viên và nhân viên; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với đối với nhà giáo, người lao động.

- Thực hiện việc giao, lập dự toán theo quy định; ban hành quy chế chi tiêu nội bộ kịp thời, đảm bảo công khai, minh bạch; thực hiện thu quản lý, sử dụng học phí theo quy định; thực hiện các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đảm bảo theo Nghị quyết HĐND, hướng dẫn của Sở GDĐT. Hệ thống sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán cơ bản đầy đủ.

- Cập nhật đủ các văn bản của cấp trên quy định, hướng dẫn về công khai trong cơ sở giáo dục; đã thực hiện công khai các nội dung theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, Thông tư số 61/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC và Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT với nhiều hình thức khác nhau tùy nội dung công khai, trong đó có nhiều nội dung đã được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của đơn vị; thời điểm công khai cơ bản đúng quy định.

- Cơ sở vật chất của trường cơ bản đáp ứng yêu cầu theo các tiêu chí quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020, Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ GDĐT; đáp ứng được yêu cầu sử dụng trong dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục nhà trường.

2. Tồn tại, hạn chế

- Các quyết định về thành lập các tổ chuyên môn, Tổ Văn phòng, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó còn chưa thống nhất về tên gọi của các tổ chuyên môn; một số quyết định ban hành còn sai sót về nội dung. Chưa ban hành Bộ Quy tắc ứng xử trong trường học.

³¹ Sổ theo dõi tài sản cố định; Sổ theo dõi công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng năm 2024; Sổ quản lý danh mục thiết bị; Sổ theo dõi việc sử dụng TBDH năm học 2024-2025; Sổ quản lý danh mục thiết bị; Sổ theo dõi việc sử dụng TBDH năm học 2025-2026.

- Số lượng giáo viên được giao và thực tế sử dụng vượt định mức quy định của Bộ GDĐT; nhiều giáo viên giảng dạy, kiêm nhiệm chưa đủ định mức 17 tiết/tuần theo quy định.

- Năm học 2025-2026, đến thời điểm thanh tra Hiệu trưởng nhà trường chưa tham gia giảng dạy do kế hoạch phân công dạy nội dung GDĐT chưa đến chuyên đề giảng dạy; các Phó Hiệu trưởng giảng dạy chưa đủ định mức bình quân tiết/tuần theo quy định.

- Công tác đánh giá theo Chuẩn năm học 2023-2024: không có Phiếu tự đánh giá của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng; Phiếu cấp trên đánh giá đối với Hiệu trưởng; kết quả đánh giá của Hiệu trưởng đối với Phó Hiệu trưởng và giáo viên. Kết quả đánh giá không phản ánh đúng thực trạng, năng lực, trình độ đội ngũ. Không có hồ sơ tự đánh giá năm học 2024-2025.

- Chưa xây dựng Quy chế đánh giá, phân loại viên chức theo quy định. Các Phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức chưa có nội dung nhận xét, kết quả đánh giá, xếp loại của Hiệu trưởng; không lưu trữ Phiếu đánh giá xếp loại chất lượng của Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng.

- Nhà trường xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ chưa đảm bảo quy định tại phụ lục số 05 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022. Một số chứng từ chi chưa đảm bảo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ và Luật Kế toán.

- Nhiều quyết định công khai chưa đảm bảo thể thức theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP; chưa cập nhật các thông tin về tổ chức bộ máy trên cổng thông tin điện tử của đơn vị; Báo cáo thường niên năm 2024 một số nội dung chưa đối sánh số liệu với năm trước liền kề và được công bố chậm so với quy định.

- Thư viện trường chưa có khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh.

- Thiết bị dạy học của nhà trường còn thiếu so với Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học phổ thông theo quy định tại Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Cán bộ quản lý, bộ phận tham mưu chưa tiếp cận đầy đủ và nghiên cứu kỹ một số văn bản quy định của pháp luật trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị. Nguồn lực tài chính của địa phương còn hạn chế ảnh hưởng đến việc mua sắm, bổ sung thiết bị dạy học. Công tác kiểm tra, tự rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của cán bộ quản lý, các bộ phận, cá nhân chưa được thực hiện thường xuyên.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Trường THPT Phạm Văn Nghị

- Tham mưu, đề xuất Sở GDĐT thực hiện luân chuyển, điều động, biệt phái giáo viên để khắc phục tình trạng số lượng giáo viên vượt định mức quy định của Bộ GDĐT.

- Rà soát, điều chỉnh Quyết định thành lập các tổ chuyên môn, Tổ Văn phòng, các quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó đảm bảo thống nhất về tên gọi của các tổ chuyên môn và chính xác về nội dung văn bản. Ban hành Bộ Quy tắc ứng xử trong trường học theo quy định.

- Hiệu trưởng nhà trường điều chỉnh phân công công tác giảng dạy đối với Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng năm học 2025-2026 để đảm bảo dạy đủ định mức tiết/tuần hoặc tiết/năm học theo quy định tại Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ GDĐT.

- Thực hiện việc đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên cần bám sát các văn bản hướng dẫn và phân loại các mức độ đạt được của giáo viên đảm bảo phù hợp với năng lực, phẩm chất, trình độ đội ngũ. Ban hành Quy chế đánh giá, phân loại viên chức; rà soát, cập nhật nội dung nhận xét, kết quả đánh giá, xếp loại của Hiệu trưởng trong các Phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức của giáo viên, nhân viên năm học 2024-2025; lưu trữ Phiếu đánh giá xếp loại chất lượng của Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng phục vụ công tác sử dụng cán bộ.

- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo theo quy định tại Phụ lục số 05 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục thanh toán theo quy định.

- Tổ chức nghiên cứu kỹ Nghị định 30/2020/NĐ-CP, Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT để ban hành văn bản và thực hiện công khai đảm bảo đúng, đủ theo quy định.

- Tham mưu với các cấp có thẩm quyền quan tâm, đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho đơn vị để đáp ứng yêu cầu dạy và học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018; sắp xếp lại phòng thư viện để có khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh.

Yêu cầu Trường THPT Phạm Văn Nghị xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan và xây dựng kế hoạch, có biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trong mục III.2 ở trên; tổ chức thực hiện nghiêm túc các

kiến nghị trong mục V kết luận này. Báo cáo kết quả về Thanh tra tỉnh *trước ngày 30/12/2025*.

2. Đối với Sở GDĐT tỉnh Ninh Bình

- Thực hiện luân chuyển, điều động, biệt phái giáo viên để khắc phục tình trạng sử dụng giáo viên vượt định mức quy định của Bộ GDĐT tại Trường THPT Phạm Văn Nghị.

- Ban hành văn bản chấn chỉnh, yêu cầu các cơ sở giáo dục trực thuộc tự rà soát và thực hiện chế độ giờ dạy của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đảm bảo đủ định mức số tiết/ tuần hoặc số tiết/năm theo quy định tại Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ GDĐT.

- Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền trong công tác xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ.

- Tiếp tục tham mưu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền quan tâm, đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các đơn vị để đáp ứng yêu cầu dạy và học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục đối với trường THPT Phạm Văn Nghị. Yêu cầu trường THPT Phạm Văn Nghị và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện Kết luận này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Thanh tra Chính phủ (để báo cáo);
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh (để chỉ đạo);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (phối hợp t/h);
- Trường THPT Phạm Văn Nghị (để t/h);
- Phòng NV1 Thanh tra tỉnh (để theo dõi);
- Trang thông tin điện tử Thanh tra tỉnh;
- Lưu: VT, NV9, (02).

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Phạm Chiến Thắng